

Bản án số: 13/2026/HNGĐ-ST

Ngày 04/5/2026

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi  
con chung”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - TUYỀN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Khánh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Triệu Tiến Quang;

2. Bà Hoàng Thị Hương.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lò Là Cáo – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 04/5/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 79/2025/TLST-HNGĐ ngày 08/12/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/03/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13/04/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bôn Xà D (Bôn Xà R), sinh năm: 1995; địa chỉ: Thôn N, xã H, tỉnh Tuyên Quang; *Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt;*

2. *Bị đơn:* Anh Đặng Tú R, sinh năm: 1990; địa chỉ: Thôn N, xã H, tỉnh Tuyên Quang; *Vắng mặt không có lý do.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 03/12/2025, bản tự khai ngày 23/12/2025 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Bôn Xà D trình bày:*

Chị Bôn Xà D và anh Đặng Tú R tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau được bố mẹ hai bên đồng ý chấp nhận cho lấy nhau, vợ chồng chị D, anh R đăng ký kết hôn ngày 13/10/2014 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Hà Giang (*Nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Tuyên Quang*). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi có con đầu lòng thì anh chị bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách cả hai cả hai không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày, dần dần tình cảm trở nên xa cách. Vợ chồng chị D, anh R đã ly thân được một thời gian trở lại đây và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị D cảm thấy cuộc sống hôn nhân không được hạnh phúc tình cảm vợ

chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị D đề nghị Toà án cho chị D được ly hôn với anh Đặng Tú R.

Về con chung: Chị Bôn Xà D và anh Đặng Tú R có với nhau hai đứa con chung tên là: Cháu Bôn Thảo Ng, sinh ngày 10/04/2016 và cháu Bôn Tu S, sinh ngày 10/03/2018. Sau khi vợ chồng ly hôn chị D đề nghị giao cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bôn Thảo Ng, sinh ngày 10/04/2016 cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi, giao cho anh Đặng Tú R trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bôn Tu S, sinh ngày 10/03/2018 cho đến khi cháu Sinh đủ 18 tuổi. Chị D không yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, về công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Toà án giải quyết.

Do tính chất công việc nên chị không tham gia phiên tòa xét xử vụ án Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Đặng Tú R được nên chị D có gửi đơn xin xét xử vắng mặt đến Tòa án với nội dung thay đổi về phần con chung, do hiện tại chị D đi làm ăn xa, thu nhập không ổn định, không đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên chị D đề nghị giao cả hai cháu Bôn Thảo Ng và cháu Bôn Tu S cho anh Đặng Tú R trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng anh chị tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

*\* Tại bản tự khai ngày 23/12/2025 và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Đặng Tú R trình bày:* Anh Đặng Tú R và chị Bôn Xà D tự nguyện tìm hiểu nhau, yêu thương nhau được bố mẹ hai bên đồng ý chấp nhận cho lấy nhau, vợ chồng tôi đi đăng ký kết hôn ngày 13/10/2014 tại UBND xã B, huyện H, tỉnh Hà Giang (*Nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Tuyên Quang*). Từ khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau hoà thuận hạnh phúc. Trong quá trình chung sống với nhau về sau vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn với nhau, nhiều lần cãi nhau. Lý do là do bất đồng về quan điểm sống, không tôn trọng nhau. Đến tháng 2 năm 2025 thì chị D bỏ nhà ra đi, từ đó đến nay chị D không trở về nhà lần nào, anh R và chị D cũng không liên lạc với nhau. Nay chị D có đơn khởi kiện lên Toà án yêu cầu ly hôn với anh R. Quan điểm của anh R nhận thấy cuộc sống hôn nhân không được hạnh phúc tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy anh R đồng ý ly hôn với chị Bôn Xà D.

Về con chung: Anh Đặng Tú R xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Bôn Thảo Ng, sinh ngày 10/04/2016 và cháu Bôn Tu S, sinh ngày 10/03/2018. Sau khi vợ chồng ly hôn, anh R không đồng ý với nguyện vọng của chị Bôn Xà D về việc giao cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bôn Thảo Ng cho đến khi cháu Nguyên đủ 18 tuổi, giao cho anh Đặng Tú R trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bôn Tu S cho đến khi cháu Sinh đủ 18 tuổi. Anh R đề nghị anh là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai cháu Bôn Thảo Ng, sinh ngày 10/04/2016 và cháu Bôn Tu S, sinh ngày 10/03/2018 đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không yêu cầu chị D cấp

dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng anh chị tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

\* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình: Đề nghị Tòa án tuyên xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bôn Xà D. Đề nghị xử cho chị Bôn Xà D được ly hôn với anh Đặng Tú R. Về con chung: Giao cho anh Đặng Tú R là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu Bôn Thảo Ng, sinh ngày 10/04/2016 và cháu Bôn Tu S, sinh ngày 10/03/2018 cho đến khi cháu Ng và cháu S đủ 18 tuổi. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị D, anh R có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị Bôn Xà D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn chị Bôn Xà D có đơn khởi kiện về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” với bị đơn anh Đặng Tú R, anh R có hộ khẩu thường trú tại Thôn N, xã H, tỉnh Tuyên Quang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Bôn Xà D có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do đang bận công việc không xin nghỉ để về tham gia phiên tòa được, nên chị D có đơn xin được giải quyết vắng mặt.

[3] Bị đơn anh Đặng Tú R mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án nhân dân khu vực 6 – Tuyên Quang đã tiến hành cấp, tông đạt, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự cho các đương sự và tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo thủ tục chung. Theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Bôn Xà D và bị đơn anh Đặng Tú R là có căn cứ.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn chị Bôn Xà D, các biên bản xác minh với đại diện chính quyền

thôn, đại diện Công an xã H, tỉnh Tuyên Quang, người thân gia đình chị D thấy rằng: Sau khi vợ chồng đăng ký kết hôn vào ngày 13/10/2014 tại UBND xã B, huyện H, tỉnh Hà Giang (*Nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Tuyên Quang*), có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và chung sống với nhau một thời gian tại Thôn 6, xã N, huyện H, tỉnh Hà Giang (*Nay là xã H, tỉnh Tuyên Quang*) được một thời gian thì anh chị chuyển về sinh sống tại nhà mẹ đẻ của anh R là bà Vương Xà T. Trong thời gian anh chị chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn về vấn đề kinh tế và trong sinh hoạt hằng ngày. Đến khoảng cuối năm 2024 thì chị D bỏ đi làm công ty ở xa nhà, từ đó đến nay anh R và chị D không ở cùng với nhau, chị D không trở về nhà lần nào. Việc chị D đi đâu, làm gì, ở đâu không báo lại với thôn nắm được, thời gian chị D đi xa nhà cho đến nay không thấy quay trở về sinh sống vun đắp hạnh phúc gia đình, còn anh R vẫn đang ở nhà, không đi làm ăn xa. Bản thân anh chị đều thừa nhận việc không còn chung sống và liên lạc với nhau nữa. Xét thấy vợ chồng chị D, anh R đã sống ly thân nhau mà không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; người nào biết bổn phận của người đó, không có sự liên lạc, vun đắp, chia sẻ cùng nhau. Như vậy là cả hai vợ chồng đều vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Bôn Xà D được ly hôn với anh Đặng Tú R là có cơ sở.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị D, anh R có 02 (*Hai*) con chung là cháu Bôn Thảo Ng, sinh ngày 10/04/2016 và cháu Bôn Tu S, sinh ngày 10/03/2018, do các cháu đã đủ 07 (*Bảy*) tuổi trở lên nên Tòa án tiến hành ghi ý kiến nguyện vọng và được cả hai cháu Bôn Thảo Ng và cháu Bôn Tu S trình bày nguyện vọng được ở với anh Đặng Tú R. Qua xác minh trường thôn nơi chị D, anh R đăng ký hộ khẩu thường trú, người thân gia đình chị D và các thầy, cô giáo chủ nhiệm của các cháu thì hiện nay cháu Ng và cháu S đang ở cùng với anh R, mọi liên lạc giữa nhà trường nơi cháu Ng, cháu S theo học đều do anh R thực hiện. Nguyên đơn chị Bôn Xà D có yêu cầu giao cả hai cháu Ng và cháu S cho anh Đặng Tú R trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao cả hai cháu Ng và cháu S cho anh Đặng Tú R trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế của các bên, hiện các cháu đang sinh hoạt, học tập và sinh sống ổn định với anh R. Ngoài ra, anh R có nhà cửa kiên cố, ổn định, có thu nhập đảm bảo cho việc sinh hoạt, học tập của các cháu; còn chị D đang phải đi làm xa, không đảm bảo được việc nuôi dưỡng và chăm sóc cho các cháu. Xét thấy quan điểm về việc nuôi con chung của chị D, anh R là phù hợp với nhau, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của các cháu, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, giao cả cháu Bôn Thảo Ng, sinh ngày 10/04/2016 và cháu Bôn Tu S, sinh ngày 10/03/2018 cho anh Đặng Tú R trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Ng, cháu S đủ 18 tuổi.

[6] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bôn Xà D có ý kiến là chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh Đặng Tú R tại bản tự khai trình bày việc cấp dưỡng là chị R không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy ý kiến của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được Hội đồng xét xử ghi nhận. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

[7] Về tài sản chung, công nợ chung và công sức đóng góp: Các bên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần đề cập xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[8] Ý kiến, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang tại phiên tòa là có căn cứ cần được chấp nhận.

[9] Về án phí: Chị Bôn Xà D phải chịu toàn bộ án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Bôn Xà D, bị đơn anh Đặng Tú R có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 3 Điều 4, khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Bôn Xà D, xử cho chị Bôn Xà D được ly hôn với anh Đặng Tú R.

2. Về con chung: Giao cho anh Đặng Tú R trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai cháu Bôn Thảo Ng, sinh ngày 10/04/2016 và cháu Bôn Tu S, sinh ngày 10/03/2018 cho đến khi cháu Ng và cháu S đủ 18 tuổi. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, vì quyền lợi của con chung sau này một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.*

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Bôn Xà D phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) chị Bôn Xà D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001675 ngày 08/12/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang, đã thực hiện xong.

Bị đơn anh Đặng Tú R không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Bôn Xà D, bị đơn anh Đặng Tú R vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND Khu vực 6 – Tuyên Quang;
- UBND xã H, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Nguyễn Trọng Khánh**